

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2017/DSST
Ngày 12/9/2017
V/v Đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh
2. Ông Thái Văn Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thông – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh
không tham gia phiên Tòa***

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử
sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 143/2017/TLST-DSST ngày 17 tháng 4 năm 2017
về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
310/2017/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số
259/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Trúc T, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Số 78, đường L, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Biện Thị Kim H, sinh năm: 1982;

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1981;

Cùng địa chỉ: Tổ 07, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết
vụ án, nguyên đơn bà Lương Thị Trúc T trình bày: Do có mối quan hệ là bạn bè
chơi thân, làm chung công ty nên ngày 01/11/2009 bà có cho vợ chồng ông Nguyễn
Văn C và bà Biện Thị Kim H mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), có
thỏa thuận trả lãi là 2%/tháng và hẹn đến ngày 01/3/2010 sẽ trả tiền. Tuy nhiên từ
lúc mượn tiền đến nay vợ chồng ông C bà H không trả vốn và lãi theo thỏa thuận.
Đơn khởi kiện ngày 22/6/2016, bà T khởi kiện yêu cầu bà H, ông C trả số tiền nợ
gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/11/2009 đến

nay là 27.200.000đ (hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền yêu cầu là 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi rút một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà H, ông C trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi và yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Giấy nhận mượn tiền có chữ ký bà H, ông C không ghi ngày tháng năm; Đơn thỏa thuận có chữ ký bà H, ông C ghi ngày 07/01/2010; Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu sao y của nguyên đơn; Đơn xác nhận nơi cư trú của bị đơn; Biên bản hòa giải xã nghi nhận vắng mặt bị đơn.

Bị đơn bà Biện Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo phiên hòa giải hợp lệ mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà H, ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Đòi lại tài sản” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp là “Đòi lại tài sản”, các bên đương sự không có yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu bà Biện Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả số tiền nợ là 47.200.000đ (bốn mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không trái quy định của pháp luật, nên Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 27.200.000đ (hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là: Giấy nhận mượn tiền có chữ ký bà H, ông C không ghi ngày tháng năm; Đơn thỏa thuận có chữ ký bà H, ông C ghi ngày 07/01/2010 có cơ sở xác định: Vào 01/11/2009 bà Lương Thị Trúc T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Biện Thị Kim H mượn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), và cam kết đến ngày 01/3/2010 sẽ trả lại hết số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án bà H, ông C đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ kiện nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Do bà H, ông C đã nợ số tiền trên nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nguyên đơn.

Từ những phân tích trên; Căn cứ Điều 471, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà H, ông C liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà H, ông C phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 27.200.000đ (hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị Trúc T về việc yêu cầu bà Biện Thị Kim H, ông Nguyễn Văn C phải trả cho bà số nợ tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Buộc bà Biện Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Trúc T số tiền nợ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lương Thị Trúc T đối với các khoản tiền phải trả cho bà T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Biện Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí DSST là 1.000.000đ (một triệu đồng) buộc bà Biện Thị Kim H và ông Nguyễn Văn C phải nộp.

Hoàn trả lại cho bà Lương Thị Trúc T số tiền tạm ứng án phí 1.180.000đ (một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006423 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký và đóng dấu*)

Hà Thị Xuân Lan